

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 02 - 2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Đoạt.

2. Bà Đặng Thị Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Ngọc S, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh C, sinh năm 1976; địa chỉ: Đài Loan; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Huỳnh Thị Ngọc S trình bày: Vào ngày 23/01/2019 chị Huỳnh Thị Ngọc S và anh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 03. Quá trình phỏng vấn và thẩm tra hồ sơ liên quan, xét mục đích nhập cảnh khả nghi và đi ngược lợi ích của Đài Loan nên Văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh từ chối cấp visa cho chị S. Do điều kiện địa lý xa xôi, vợ chồng không có thời gian chung sống với nhau, dẫn đến tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh C. Về nuôi con chung không có. Về chia tài sản không có. Về nợ chung không có.

Tại văn bản ý kiến đề ngày 12/11/2020, bị đơn C ý kiến: Anh C và chị Huỳnh Thị Ngọc S đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 23/01/2019 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 03. Sau khi kết hôn, anh C và chị S có làm thủ tục xuất nhập cảnh, quá trình phỏng vấn và thẩm tra các văn bản có liên quan, xét thấy mục đích nhập cảnh không đạt yêu cầu nên Văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh đã từ chối cấp visa cho chị S, vì vậy mà chị S không đến Đài Loan sinh sống được, vợ chồng không có thời gian chung sống, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Huỳnh Thị Ngọc S. Về con chung không có. Về tài sản chung không có và về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Huỳnh Thị Ngọc S là công dân Việt Nam và anh C là công dân nước ngoài, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) thuộc thẩm quyền của Tòa án Việt Nam trong giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án; tranh chấp về ly hôn mà có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; chị S cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và anh C không có nơi cư trú ở Việt Nam nên Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo đơn khởi kiện của chị S là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37 và khoản 2 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Anh C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc S và anh C đã được đăng ký và do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch theo giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 23/01/2019, đã tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị S làm thủ tục đến Đài Loan sinh sống cùng anh C, nhưng phỏng vấn và thẩm tra hồ sơ liên quan không đạt, Văn phòng kinh tế văn hóa Đài Bắc tại Thành phố Hồ Chí Minh từ chối cấp visa cho chị S nên chị S không thể đến Đài Loan chung sống với anh C, từ đó tình cảm vợ chồng dần phai nhạt và ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Do vậy chị S yêu cầu được ly hôn anh C và anh C đã gửi văn bản ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị S. Xét thấy thỏa thuận tình ly hôn giữa các đương sự là tự nguyện và phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận và quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc S và anh C.

[3] Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị Ngọc S và anh C không có con chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị S tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 55, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Ngọc S và anh C.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc S tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0006093 ngày 24/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chị S có quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với

đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT
- Các đương sự;
- UBND huyện C;
- Lưu HS, VT (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hằng